

Uông Bí, ngày 15 tháng 01 năm 2022

A. ĐƠN VỊ KIẾN THỨC/KĨ NĂNG – MỨC ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).
- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).

2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

2.1. Các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại.

- Nhận biết:

- + Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.
- + Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích.
- + Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.
- + Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích

- Thông hiểu:

- + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận...
- + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...
- + Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- Vận dụng:

- + Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.
- + Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản.

2.2. Các văn bản văn xuôi tự sự trung đại.

- Nhận biết:

- + Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.
- + Xác định được các sự việc, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích.
- + Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.
- + Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích

- Thông hiểu:

- + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu...
- + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật...
- + Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- Vận dụng:

+ Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản; sự khác biệt giữa văn xuôi tự sự trung đại với văn xuôi tự sự hiện đại.

+ Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.

II. PHẦN LÀM VĂN:

1. Đơn vị kiến thức/kĩ năng

* Nghị luận về văn bản/đoạn trích

+ *Phú sông Bạch Đằng* (*Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu)

+ *Đại cáo bình Ngô* (*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi)

+ *Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia* (Trích *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba*) của Thân Nhân Trung

+ *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (*Tản Viên từ phán sự lục* – *Truyện kì mạn lục* - Nguyễn Dữ)

2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

(Xem trong phần ôn tập từng văn bản).

B. ÔN TẬP CÁC VĂN BẢN

1. *Phú sông Bạch Đằng* (*Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu)

1.1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

a. Tác giả, tác phẩm

* Tác giả

Trương Hán Siêu (? - 1354) là người có học vấn uyên thâm, từng tham gia các cuộc chiến đấu của quân dân nhà Trần chống quân Mông - Nguyên, được các vua Trần tin cậy và nhân dân kính trọng.

* Tác phẩm

- Thể loại: phú cổ thể.

- Hoàn cảnh ra đời: khi vương triều nhà Trần đang có biểu hiện suy thoái, cần phải nhìn lại quá khứ anh hùng để củng cố niềm tin trong hiện tại.

b. Văn bản

* Nội dung:

- Hình tượng nhân vật "khách"

+ "Khách" xuất hiện với tư thế của con người có tâm hồn khoáng đạt, có hoài bão lớn lao. Tráng chí bốn phương của "khách" được gọi lên qua hai địa danh (lấy trong điển cố Trung Quốc và những địa danh của đất Việt).

+ Cảm xúc vừa vui sướng, tự hào vừa buồn đau, nuối tiếc.

- Hình tượng các bô lão (có thể là nhân dân địa phương, có thể là hư cấu)

+ Các bô lão đến với "khách" bằng thái độ nhiệt tình, hiếu khách tôn kính khách. Sau một câu hỏi tưởng về việc "Ngô chúa phá Hoàng Thao", các bô lão kể cho "khách" nghe về chiến tích "Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã" (kể theo trình tự diễn biến của sự kiện với thái độ, giọng điệu đầy nhiệt huyết, tự hào). Lời kể ngắn gọn, cô đọng, súc tích,...

+ Sau lời kể về trận chiến là suy ngẫm, bình luận của các bô lão về chiến thắng trên sông Bạch Đằng: chỉ ra nguyên nhân ta thắng, địch thua; khẳng định vị trí,

vai trò của con người. Đó là cảm hứng mang giá trị nhân văn và có tầm triết lí sâu sắc.

+ Cuối cùng là lời ca của các bô lão mang ý nghĩa tổng kết, có giá trị như một lời tuyên ngôn về chân lí: Bất nghĩa thì tiêu vong, có nhân nghĩa thì lưu danh thiên cổ.

- Lời ca và cũng là lời bình luận của "khách": Ca ngợi sự anh minh của "hai vị thánh quân", đồng thời ca ngợi chiến tích của quân và dân ta trên sông Bạch Đằng. Hai câu cuối vừa biện luận vừa khẳng định chân lí: Trong mối quan hệ giữa địa linh và nhân kiệt, nhân kiệt là yếu tố quyết định. Ta thắng giặc không chỉ ở "đất hiểm" mà quan trọng hơn là bởi nhân tài có "đức cao".

* *Nghệ thuật:*

- Sử dụng thể phú tự do, không bị gò bó vào niêm luật, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, có khả năng bộc lộ cảm xúc phong phú, đa dạng,...

- Kết cấu chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm, lối diễn đạt khoa trương,...

* *Ý nghĩa văn bản:* thể hiện niềm tự hào, niềm tin vào con người và vận mệnh quốc gia, dân tộc.

1.2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

- Nhận biết:

+ Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

+ Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm *Phú sông Bạch Đằng*.

+ Xác định được bố cục, nội dung chính, các nhân vật của bài phú.

+ Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu:** Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tự sự, nghị luận và trữ tình; lối văn biền ngẫu đăng đối; giọng điệu hùng hồn, tha thiết...

- Vận dụng:

+ Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm *Phú sông Bạch Đằng* để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.

+ Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Trương Hán Siêu trong văn học Việt Nam.

- Vận dụng cao:

+ Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận.

+ Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.

+ Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

2. Đại cáo bình Ngô (Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi)

2.1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

a. Tác giả, tác phẩm

- Hoàn cảnh ra đời: Đầu năm 1428, sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình cho dân nước.

- Thể loại cáo và lối văn biền ngẫu (SGK).

b. Văn bản

* *Nội dung*

- Luận đề chính nghĩa: nêu cao tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hoá, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự tự ý thức về sức mạnh dân tộc.

- Bản cáo trạng tội ác được xây dựng trên tư tưởng nhân nghĩa và lập trường dân tộc, vì dân mà lên án tội ác của giặc nên lời văn gan ruột, thông thiết; chung cứ đầy sức thuyết phục.

- Quá trình kháng chiến và chiến thắng: hình ảnh đạo quân nhân nghĩa từ dân mà ra, vì dân mà chiến đấu, chiến đấu bằng sức mạnh của dân mà nổi bật là hình ảnh lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn với những đặc điểm của người anh hùng đầy đủ phẩm chất và sức mạnh của cộng đồng trong cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh.

- Lời tuyên ngôn độc lập và hoà bình trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.

* *Nghệ thuật*: bút pháp anh hùng ca đậm tính chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê; giọng văn biến hoá linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.

* *Ý nghĩa văn bản*: bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hoà bình.

2.2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

- Nhận biết:

+ Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

+ Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm *Đại cáo bình Ngô*.

+ Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/ đoạn trích.

+ Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu**: Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài cáo: là bản tuyên ngôn độc lập hoàn chỉnh nhất thời trung đại; thể hiện tư tưởng nhân nghĩa; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và trữ tình; lập luận chặt chẽ sắc bén; giọng điệu hào hùng...

- Vận dụng:

+ Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm *Đại cáo bình Ngô* để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.

+ Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Trãi trong văn học Việt Nam.

- Vận dụng cao:

- + Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc/mới mẻ/độc đáo trong văn bản.
- + Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.
- + Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

3. Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia (Trích Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba - Thân Nhân Trung)

3.1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

a. Tác giả, tác phẩm

- Thân Nhân Trung và bài văn bia (SGK).

b. Văn bản

** Nội dung*

- Vai trò của hiền tài đối với đất nước
- + Hiền tài là người tài cao, học rộng, có đạo đức tốt, được mọi người tín nhiệm suy tôn.
- + Hiền tài có vai trò quyết định sự hưng thịnh của đất nước, góp phần làm nên sự sống còn của quốc gia và xã hội.
- Ý nghĩa của việc khắc bia ghi tên tiến sĩ.
- + Thể hiện tinh thần trọng người tài của các đấng minh vương "Khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua". Để kẻ ác "lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng...".
- + Là lời nhắc nhở mọi người, nhất là trí thức nhận rõ trách nhiệm với vận mệnh dân tộc.
- + Là lời nhắc nhở mọi người, nhất là trí thức nhận rõ trách nhiệm với vận mệnh dân tộc.
- * Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, có luận điểm, luận cứ rõ ràng, lời lẽ sắc sảo, thấu lí, đạt tình.*
- * Ý nghĩa văn bản: khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài, rèn đức, nêu những bài học cho muôn đời sau; thể hiện tấm lòng của Thân Nhân Trung với sự nghiệp xây dựng đất nước.*

3.2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

- Nhận biết:

- + Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.
- + Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba* và đoạn trích *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.
- Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/đoạn trích.
- Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.
- **Thông hiểu:** Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: vai trò của người hiền tài với đất nước; khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài,

rèn đức để lập nghiệp; lập luận thuyết phục bằng lí lẽ sắc sảo, kết cấu chặt chẽ; tâm huyết của tác giả với tư tưởng trọng hiền tài...

- Vận dụng:

+ Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.

+ Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Thân Nhân Trung trong văn học Việt Nam.

- Vận dụng cao:

+ Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản.

+ Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.

+ Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

4. Chuyện chức phán sự đền Tản Viên (Tản Viên từ phán sự lục - Nguyễn Dữ)

4.1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

a. Tác giả, tác phẩm

** Tác giả*

- Nguyễn Dữ (? - ?), sống vào khoảng thế kỉ XVI. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từng đi thi và đã ra làm quan, nhưng không lâu thì lui về ẩn dật.

** Tác phẩm*

- *Truyện kì* là một thể văn xuôi tự sự thời trung đại phản ánh hiện thực qua các yếu tố kì lạ, hoang đường. Tuy nhiên, đằng sau các chi tiết có tính chất kì lạ, phi hiện thực, người đọc vẫn có thể tìm thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan niệm của tác giả.

- Tác phẩm rút ra từ *Truyện kì mạn lục* - một "thiên cổ kì bút" viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVI.

b. Văn bản

** Nội dung*

- Nhân vật Ngô Tử Văn

+ Cương trực, yêu chính nghĩa: Ngô Tử Văn là người rất khảng khái, "thấy sự tà gian thì không thể chịu được" nên đã đốt đền, trừ hại cho dân; sẵn sàng nhận chức phán sự đền Tản Viên để thực hiện công lí.

+ Dũng cảm, kiên cường: không run sợ trước lời đe dọa của hồn ma tướng giặc, chằng vạch mặt tên hung thần; cãi lời quỷ và tên hung thần họ Thôi, dùng lời lẽ *cứng cỏi, không chịu nhún nhường* để tâu trình Diêm Vương, ...

+ Giàu tinh thần dân tộc: đấu tranh đến cùng để diệt trừ hồn ma tên tướng giặc, làm sáng tỏ nỗi oan và phục hồi danh vị cho Thổ thần nước Việt.

Chiến thắng của Ngô Tử Văn - một kẻ sĩ nước Việt - là sự khẳng định chân lý *chính sẽ thắng tà* và thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ, quyết tâm đấu tranh đến cùng để bảo vệ công lí và chính nghĩa.

- Ngụ ý của tác phẩm: vạch trần bản chất xảo quyệt, hung ác của hồn ma tướng giặc họ Thôi; phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội đương thời và nhấn nhủ hãy đấu tranh đến cùng chống lại cái ác, cái xấu.

- Lời bình ở cuối truyện đề cao bản lĩnh của kẻ sĩ.

* *Nghệ thuật*

- Xây dựng cốt truyện giàu kịch tính, kết cấu chặt chẽ.

- Dẫn dắt truyện khéo léo, nhiều chi tiết gây sự chú ý, hấp dẫn.

- Cách kể chuyện và miêu tả sinh động, hấp dẫn.

- Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, nhưng vẫn mang những nét hiện thực.

* *Ý nghĩa văn bản*: *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* đề cao những người trung thực, ngay thẳng, giàu tinh thần dân tộc đồng thời khẳng định niềm tin vào công lí, chính nghĩa của nhân dân ta.

4.2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

- **Nhận biết:**

+ Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

+ Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*.

+ Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích.

+ Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu:**

+ Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích:

++ Ngợi ca khí tiết cương trực, dũng cảm của nhân vật Ngô Tử Văn trong cuộc đấu tranh với thế lực gian tà; đề cao lối sống ngay thẳng, chính trực...

++Cốt truyện lí kì, bất ngờ; chi tiết kì ảo đặc trưng của truyện truyền kì...

- **Vận dụng:**

+ Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề.

+ Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam.

- **Vận dụng cao:**

+ Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản.

+ Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.

+ Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

C. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2021 - 2022

Môn: Ngữ văn, lớp 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ âm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quả trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Ấu là một mái chèo vè, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thùng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ,

NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì?

Câu 3. Hành động nào khiến Từ Thức được khen là người hiền đức?

Câu 4. Việc trả ấn tín, từ quan cho thấy Từ Thức có thái độ như thế nào với danh lợi?

Câu 5. Anh/Chị hiểu gì về tâm hồn nhân vật Từ Thức qua chi tiết chàng đề thơ vịnh cảnh ở nhiều nơi?

Câu 6. Theo anh/chị, hành động từ quan của Từ Thức mang tính tích cực hay tiêu cực? Vì sao?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn trích sau:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế
một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Trích Đại cáo bình Ngô, Nguyễn Trãi,
Ngữ văn 10, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, trang 17)

-----**HẾT**-----